

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 1116/2020/HNGĐ-ST

Ngày 03/11/2020.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ T gồm có:

T Phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng.

Các Hội T nhân dân:

Ông Chu Mạnh Tường

Bà Nguyễn Thị Lượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thư- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ T công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 449/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 476/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 274/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm: 1982

Thường trú: 44/13/20/2 Đường số M, Khu phố N, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Quốc V, sinh năm: 1983

Thường trú: Thường trú: 44/13/20/2 Đường số M, Khu phố N, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày: bà và ông Trần Quốc V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định vào ngày 23/4/2012.

Cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu bình thường, thỉnh thoảng cũng có mâu thuẫn nhưng tự giải quyết. Đến năm 2018 mâu thuẫn trở nên gay gắt, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về sinh hoạt, cách xử sự. Ông V không chia sẻ với bà trong cuộc sống cả về kinh tế và tình cảm. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Mặc dù sống chung nhưng không còn tình cảm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn ông Trần Quốc V.

Về con chung: có 01 (một) con chung tên Trần Đỗ An X, sinh ngày 07/5/2014. Ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Quốc V trình bày: Quá trình kết hôn đúng như bà T trình bày, tuy X nguyên nhân mâu thuẫn là do một năm rưỡi ông đi học có sự đồng ý của vợ nên không có thu nhập, kinh tế khó khăn, có mâu thuẫn về vấn đề sửa nhà. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. xin Tòa án cho thời gian hàn gắn quan hệ vợ chồng 6 tháng.

Về con chung: Không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của T phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được T tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc T quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: bị đơn ông Trần Quốc V đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa

nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa án không có lý do. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Đỗ Thị T và ông Trần Quốc V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định vào ngày 23/4/2012 theo giấy chứng nhận kết hôn số 57/2012, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị T với ông Trần Quốc V, Hội đồng xét xử thấy phía nguyên đơn và bị đơn đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Phía bà T xác định vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mặc dù phía ông V muốn đoàn tụ gia đình nhưng bà T vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân phải xuất phát từ sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc và sự hàn gắn phải xuất phát từ cả hai vợ chồng, trong vụ án này chỉ có ông V là muốn hàn gắn, còn bà T lại cương quyết xin ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Đỗ Thị T và ông Trần Quốc V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị T là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: có 01 (một) con chung tên Trần Đỗ An X, sinh ngày 07/5/2014. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy con chung tên Trần Đỗ An X, sinh ngày 07/5/2014, hiện nay mới hơn 06 tuổi; phía ông V không có ý kiến gì về nguyện vọng nuôi dưỡng nuôi con chung. Do đó giao con chung cho bà Đỗ Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6]. Nợ chung: bà T xác định không có, còn ông V vắng mặt.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ T là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Đỗ Thị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị T được ly hôn với ông Trần Quốc V.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Đỗ An X, sinh ngày 07/5/2014 cho bà Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị T không yêu cầu ông Trần Quốc V cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Nợ chung: Không có.

5 Về án phí hôn nhân gia đình sơ T là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Đỗ Thị T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Đỗ Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0057128 ngày 28/5/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoãn niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Văn Thắng